

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
TỈNH HN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 12 - 2017.
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lại Xuân Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thủy;
2. Bà Lê Thị Hà.

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Trần Kim Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL - tỉnh HN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, tỉnh HN tham gia phiên toà:
Ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh HN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2017 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2017/QĐXX-ST ngày 10 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T1 - sinh năm 1989; nơi ĐKKHKT: Thôn CN, xã TT, huyện TL, tỉnh HN; nơi ở: Xóm 4 T2, xã TH, huyện TL, tỉnh HN; có mặt,

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Anh T3 - sinh năm 1989; nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn CN, xã TT, huyện TL, tỉnh HN; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị Thu T1 trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Anh T3 vào tháng 3/2015 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã TT. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với bố mẹ chồng tại thôn CN, xã TT; cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng tháng 6/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, anh T3 không chịu khó làm ăn, chơi bời cờ bạc; chị đã khuyên bảo rất nhiều lần nhưng anh T3 không nhận

thức ra. Vì con còn nhỏ nên chị đã cố gắng chịu đựng, khuyên bảo những mong anh T3 thay đổi; nhưng mọi cố gắng của chị đều không đem lại kết quả. Do không chịu nổi cách sống của anh T3 nên tháng 5/2017 chị đã bế con về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 4 T2, xã TH sinh sống; vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị và anh T3 không có bất kỳ biện pháp nào để giải quyết bất đồng, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên bảo, chính quyền, đoàn thể địa phương hòa giải nhưng không có kết quả. Bản thân chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T3 không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc D1 - sinh ngày 30/7/2015, hiện cháu đang sống cùng chị. Nếu ly hôn, chị đề nghị Tòa án xem xét cho chị được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T3 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về phía bị đơn Nguyễn Anh T3: Khi chị T1 làm đơn xin ly hôn, anh T3 có biết. Ủy ban nhân dân xã TT đã mời hai bên đến để hòa giải. Trong buổi hòa giải ngày 01/6/2017 tại UBND xã TT, anh T3 nhất trí ly hôn. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TL đã nhiều lần triệu tập, thông báo cho anh T3 đến Tòa án để nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, viết bản tự khai, tham gia vào các buổi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh đều vắng mặt không có lý do. Mặc dù Tòa án đã cử cán bộ cùng đại diện chính quyền xã TT xuống gia đình anh T3 để làm việc, tổng đạt các văn bản, đại diện gia đình là bà Bùi Thị Hương (mẹ anh T3) đã nhận thay, đồng thời nhận trách nhiệm thông báo cho anh T3 biết; nhưng anh T3 vẫn không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, Tòa án đã phải niêm yết công khai các văn bản theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị T1 vẫn giữ nguyên quan điểm.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu T1 và anh Nguyễn Anh T3. Giao cháu Nguyễn Ngọc D1 - sinh ngày 30/7/2015 cho chị T1 nuôi dưỡng, anh T3 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí ly hôn sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Thu T1 phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T1 có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn là anh Nguyễn Anh T3 hiện đang cư trú tại xã TT, huyện TL, tỉnh HN; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do; theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu T1 và anh Nguyễn Anh T3 là tự nguyện, hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được hơn một năm đã phát sinh mâu thuẫn. Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T3 không chịu khó làm ăn, mãi mê cờ bạc nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù chị T1 đã cố gắng chịu đựng và khuyên bảo nhằm níu kéo hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, dẫn đến cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, tình cảm vợ chồng ngày một phai nhạt. Chị T1 đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 5 năm 2017 và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, các bên không có bất kỳ một động thái nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải, chính quyền địa phương tiến hành hòa giải, nhưng không thành; chị T1 kiên quyết xin ly hôn.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thu T1 và anh Nguyễn Anh T3 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc yêu cầu xin ly hôn của chị T1 là có căn cứ, phù hợp với thực tế và Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 01 con chung là Nguyễn Ngọc D1 - sinh ngày 30/7/2015. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung của anh chị hiện còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi và đang sống ổn định cùng chị T1. Chị T1 có công việc ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Vì vậy, nên giao con chung của vợ chồng cho chị Nguyễn Thị Thu T1 nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu D1 và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T1 không yêu cầu anh T3 cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ, ruộng tăng sản, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị T1 không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu T1 và anh Nguyễn Anh T3.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc D1 - sinh ngày 30/7/2015 cho chị Nguyễn Thị Thu T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi; anh Nguyễn Anh T3 không phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu T1 phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 04218 ngày 13/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HN;
- VKSND huyện TL;
- Chi cục THADS huyện TL;
- UBND xã TT, huyện TL, tỉnh HN;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Xuân Cảnh